| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN BÌNH TÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 963/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2017
V/v "ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Quốc Thái**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Minh Thống**;

2. Bà **Trần Thị Hiền**.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Minh Tâm -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hố Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân*** *tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2017/TLST– HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2017 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 16, đường số 1, khu phố 1, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Bùi Văn Y, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 111, đường N, khu phố 3, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 10/02/2017 và bản tự khai ngày 16/3/2017, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày: Bà và ông Y tự quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện C (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 07/01/1989. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hay cự cãi nhau mà nguyên nhân chủ yếu là do ông Y ăn nhậu, quậy phá, bà Y nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được nên dọn ra ngoài ở, không sống chung với ông Y khoảng gần 03 năm. Bà T xác định hiện nay không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Bà T khai quá trình chung sống, bà và ông Y có hai con chung tên: Bùi Thị Yến N, sinh năm 1989 và Bùi Trọng N, sinh năm 1991 (đều đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

Bị đơn ông Bùi Văn Y không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không có ý kiến gì trong việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Đỗ Thị T có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Bùi Văn Y. Bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hố Chí Minh, nên căn cứ Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị T có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và bị đơn ông Bùi Văn Y được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Y.

** Về nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Y chung sống với nhau, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện C (cũ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 07/01/1989 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Y là hợp pháp;

Quá trình chung sống, bà T thừa nhận thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do ông Y ăn nhậu, quậy phá, bà T nhiều lần khuyên nhủ không được nên giữa hai người đã ly thân, không sống chung với nhau khoảng 03 năm;

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Y, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà T và ông Y có hai con chung tên: Bùi Thị Yến N, sinh năm 1989 và Bùi Trọng N, sinh năm 1991; đều đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có. Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Bùi Văn Y;

Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 07/01/1989 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C (cũ) nay là quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

Về con chung: có hai con chung tên: Bùi Thị Yến N, sinh năm 1989 và Bùi Trọng N, sinh năm 1991; đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002020 ngày 21/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận Bình Tân;*
- *VKSND TP. Hồ Chí Minh;*
- *TAND TP. Hồ Chí Minh;*
- *Chi cục THADS quận Bình Tân;*
- *UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;*
- *Lưu: HS + VT.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Quốc Thái**